

VN-Index tăng 4,7% sau khi Việt Nam được FTSE Russell chính thức nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp

Ngày báo cáo

8/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 4,7% sau khi Việt Nam được FTSE Russell chính thức nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp

Chỉ số VN-Index tăng mạnh 4,7% (+79,0 điểm) trong phiên giao dịch ngày thứ Tư, đóng cửa ở mức 1.756,6 điểm. Mức tăng ấn tượng này diễn ra ngay sau thông báo chính thức vào đêm qua của FTSE Russell về việc nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp, một động thái được kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn lớn vào trong nước. Hiệu suất mạnh mẽ của chỉ số ngày hôm nay cũng giúp VN-Index vượt qua ngưỡng 1.700 điểm. Toàn sàn ghi nhận 322 mã tăng, 27 mã giảm và 26 mã đi ngang. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 34,9 nghìn tỷ đồng.

- Bất động sản là ngành có diễn biến tích cực nhất khi các mã VHM (+7,0%), VIC (+7,0%) và VRE (+7,0%) đồng loạt tăng trần, theo sau là NVL (+6,8%).
- Một nhóm ngành khác cũng đặc biệt khởi sắc là Dịch vụ Tài chính, với sự bứt phá mạnh mẽ từ các mã TCX (+6,9%), SSI (+6,9%), VIX (+6,8%) và VND (+6,9%).
- Trong nhóm Ngân hàng, các mã TCB (+7,0%), STB (+7,0%), VPB (+6,0%), CTG (+5,3%) và BID (+5,2%) dẫn đầu đà tăng, trong khi LPB (-1,0%) là mã giảm duy nhất trong nhóm.
- Các cổ phiếu tăng điểm nổi bật ở các nhóm ngành khác bao gồm: công ty Công nghệ FPT (+6,9%), nhà bán lẻ Trang sức PNJ (+7,0%), hãng hàng không HVN (+6,1%), các doanh nghiệp Công nghiệp GEE (+6,8%) và GEX (+7,0%), nhà sản xuất Cao su GVR (+5,4%) và tập đoàn Thép HPG (+4,5%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1756,6	253,3	127,7
% Δ	4,7%	2,7%	1,6%
- % Δ 1 tuần	3,1%	0,7%	0,1%
- % YTD	-1,6%	1,1%	5,8%
- % YOY	55,1%	26,0%	51,1%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.328,5	\$75,2	\$25,2
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.005,2	\$66,1	\$27,0
- TB 1 năm (triệu)	\$1.136,1	\$80,6	\$33,5
- TB QTD	\$923,6	\$53,6	\$18,7
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-23,0%	-31,5%	-47,3%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$137,1	\$1,9	\$0,3
- Bán (triệu)	\$159,3	\$2,4	\$0,5
- GT ròng (triệu)	-\$22,2	-\$0,4	-\$0,2
Độ rộng TT			
Mã tăng	335	125	213
Mã giảm	27	43	111
Không đổi	62	137	551
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	315,3	17,2	52,2
P/E trượt 12T	14,2	10,4	15,7
LS cổ tức*	3,2%	4,7%	12,8%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.942,0	38.990	2.146,7
VN30F2M	1.939,0	922	7,4
VN30F1Q	1.948,5	1.697	4,2
VN30F2Q	1.939,2	289	0,8
VN100F1M	1.861,7	28	0,7
VN100F2M	1.854,6	9	0,1
VN100F1Q	1.847,5	13	0,1
VN100F2Q	1.868,5	16	0,1
USD/VND	26.335		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Năng lượng: Giá dầu Brent tương lai giảm mạnh hơn 15% về mức 90 USD/thùng trong ngày thứ Tư khi thỏa thuận ngừng bắn phút chót giữa Mỹ và Iran đánh dấu một bước ngoặt quyết định, mở đường cho khả năng mở lại eo biển Hormuz
- Ngành điện: Cục Điện lực đề xuất duy trì vận hành thị trường CGM bình thường với mức độ linh hoạt cao hơn, thay vì tạm dừng CGM như đề xuất của EVN
- Doanh thu sơ bộ quý 1/2026 của DMX: Tăng trưởng mạnh trên diện rộng tại cả mảng bán lẻ và dịch vụ; Tăng tốc mở rộng chuỗi cửa hàng EraBlue
- Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của OIL: Kế hoạch LNST trước Lợi ích CĐTTS tăng trưởng 30% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
- Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của PLX: Kế hoạch sản lượng bán năm 2026 tăng 10% YoY nhằm hỗ trợ nguồn cung trong nước; kế hoạch lợi nhuận vẫn thận trọng, tiềm ẩn rủi ro giảm nhẹ
- VIB: Kế hoạch huy động vốn ngoại mạnh mẽ; mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận cao - Báo cáo ĐHCĐ

Báo cáo trong ngày

- HPG: Vị thế đầu ngành thép Việt Nam hưởng lợi từ các yếu tố thuận lợi trong nước và quốc tế - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Sự cải thiện diện rộng về tín hiệu kỹ thuật, cùng với lực cầu hỗ trợ tích cực, đang củng cố xác suất tiếp tục tăng giá của VN-Index trong thời gian tới, với mục tiêu gần tại vùng 1.800–1.810 điểm. Các nhịp rung lắc do lực bán ngắn hạn, nếu xuất hiện, sẽ tạo điều kiện để mở mới vị thế mua với vùng giải ngân phù hợp quanh 1.720–1.740 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành Năng lượng: Giá dầu Brent tương lai giảm mạnh hơn 15% về mức 90 USD/thùng trong ngày thứ Tư khi thỏa thuận ngừng bắn phút chót giữa Mỹ và Iran đánh dấu một bước ngoặt quyết định, mở đường cho khả năng mở lại eo biển Hormuz

*** Diễn biến mới này phù hợp với kịch bản cơ sở của chúng tôi (giá dầu Brent trung bình ở mức 70 USD/thùng cho năm 2026), mang lại tác động tích cực nhẹ cho hầu hết các cổ phiếu dầu khí.**

* Các diễn biến chính

- Vào đêm 08/04, các cuộc không kích của Mỹ và Israel vào Iran gia tăng cường độ, đánh trúng các hạ tầng dân sự và một nhà máy hóa dầu. Mỹ cũng tấn công các mục tiêu trên đảo Kharg - trạm xuất khẩu dầu chính của Iran. Đáp trả lại, Iran tuyên bố sẽ không ngăn ngại tấn công hạ tầng của các nước láng giềng vùng Vịnh và đã thực hiện các cuộc tập kích vào một con tàu tại Vịnh cũng như một tổ hợp hóa dầu lớn của Saudi Arabia.

- Tuy nhiên, bước ngoặt lớn xảy ra sau đó vào ngày 08/04 (5 giờ sáng giờ Việt Nam), khi Mỹ và Iran đồng ý lệnh ngừng bắn có điều kiện trong hai tuần sau nỗ lực ngoại giao phút chót do Pakistan dẫn dắt. Đánh dấu bước chuyển từ leo thang sang hạ nhiệt, khiến giá dầu giảm mạnh.

- Tổng thống Trump cho biết ông đã đồng ý lệnh ngừng bắn hai tuần với Iran để họ mở lại eo biển Hormuz, nếu không sẽ phải đối mặt với các cuộc tấn công diện rộng vào hạ tầng dân sự. Đây là yếu tố hỗ trợ quan trọng nhất, tín hiệu cho sự hạ nhiệt ngắn hạn và khả năng bình thường hóa dòng chảy dầu mỏ.

- Ngay sau đó, các quan chức Mỹ xác nhận Israel cũng đã đồng ý với lệnh ngừng bắn và sẽ tạm dừng chiến dịch ném bom chống lại Iran, củng cố sự đồng thuận rộng rãi giữa các bên chủ chốt.

- Đài truyền hình nhà nước Iran thông báo rằng ông Trump đã chấp thuận đề xuất 10 điểm từ phía Iran để chấm dứt chiến tranh.

- Iran đã đồng ý mở lại eo biển Hormuz trong hai tuần với điều kiện mọi cuộc tấn công phải dừng lại, đồng thời cho biết thêm việc quá cảnh sẽ cần được phối hợp với Lực lượng Vũ trang Iran, trong khi Israel cũng được cho là đã chấp thuận lệnh ngừng bắn tạm thời.

- Các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Iran sẽ bắt đầu vào thứ Sáu, ngày 10/04/2026 tại Islamabad, Pakistan. Cho thấy một lộ trình ngoại giao có cấu trúc.

- Lãnh đạo các tổ chức IEA, IMF, Ngân hàng Thế giới sẽ thảo luận về cuộc khủng hoảng năng lượng do chiến tranh Iran gây ra vào thứ Hai tới, ngày 13/04/2026.

Ngành điện: Cục Điện lực đề xuất duy trì vận hành thị trường CGM bình thường với mức độ linh hoạt cao hơn, thay vì tạm dừng CGM như đề xuất của EVN

* Theo truyền thông trong nước, Cục Điện lực (EA, thuộc Bộ Công Thương) đã phản hồi đề xuất tạm dừng cơ chế Thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) của EVN (chi tiết bên dưới). Chúng tôi cho rằng khả năng CGM bị tạm dừng là tương đối thấp. Trong 15 năm qua, chỉ có một lần CGM bị tạm dừng trong một tháng vào năm 2017, chủ yếu do nhu cầu điện yếu. Việc tạm dừng CGM trong tương lai có thể chỉ xảy ra khi có rủi ro thiếu điện nghiêm trọng, điều mà chúng tôi cho là khó xảy ra trong 6 tháng đầu năm 2026 (6T 2026). Chúng tôi hiện tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA đối với REE, HDG, POW, NT2, QTP.

1) Tình hình hiện tại:

- Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đang khiến chi phí LNG và than nhập khẩu tăng mạnh và khó lường, dẫn đến việc phải điều chỉnh huy động mang tính hành chính nhiều hơn (đặc biệt đối với các nhà máy nhiệt điện than sử dụng 100% than nhập khẩu), đồng thời làm giảm hiệu quả của cơ chế huy động theo thị trường.

- Việc nhập khẩu than và LNG đang gặp khó khăn.

- Các nhà máy điện LNG, điện khí và nhiệt điện than đôi khi có mức giá CGM thấp hơn đáng kể so với chi phí đầu vào.

2) EVN đã đề xuất tạm dừng cơ chế CGM và chuyển sang cơ chế huy động tập trung, điều này có thể nhằm đảm bảo an ninh cung ứng điện bằng cách cho phép EVN huy động toàn bộ các nhà máy theo giá hợp đồng mua bán điện (PPA). Theo cơ chế CGM hiện tại, một số đơn vị phát điện không sẵn sàng vận hành hoặc tìm nguồn nhập nhiên liệu khi chi phí đầu vào cao hơn đáng kể so với mức giá trần CGM.

3) Tuy nhiên, Cục Điện lực cho biết đề xuất này hiện chưa có đủ cơ sở, do phân tích về tác động tiềm năng đối với hoạt động vận hành của hệ thống, chi phí phát điện và các hợp đồng PPA hiện hữu còn khá hạn chế. Thay vào đó, Cục Điện lực ủng hộ việc duy trì thị trường, và cho rằng cơ chế này vẫn giữ được tín hiệu về giá và nguyên tắc huy động với chi phí thấp nhất, qua đó ưu tiên các nguồn điện có chi phí thấp hơn như năng lượng tái tạo và nhiên liệu trong nước, đồng thời hạn chế sử dụng các nguồn LNG nhập khẩu có chi phí cao. Cơ quan này cũng cảnh báo rằng việc tạm dừng thị trường có thể làm gián đoạn cơ chế thanh toán theo PPA và ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhà đầu tư.

4) Giải pháp do Cục Điện lực đề xuất: duy trì thị trường, nhưng cho phép linh hoạt hơn trong cơ chế Qc và phương án huy động; cho phép hoán đổi nguồn khí trong nước/LNG; rút ngắn chu kỳ cập nhật giá nhiên liệu từ hàng tháng xuống hàng tuần; và nâng mức giá chào trần của các nhà máy nhiệt điện than để phản ánh sát hơn chi phí thực tế.

5) Chúng tôi đưa ra đánh giá về tác động tiềm năng lên cổ phiếu trong trường hợp CGM bị tạm dừng. Nếu thị trường điện bị tạm dừng, toàn bộ sản lượng điện trên thực tế sẽ được thanh toán theo mức giá PPA, qua đó cho phép các nhà máy điện chuyển toàn bộ chi phí đầu vào và giúp đảm bảo đủ nguồn cung than và LNG nhập khẩu, từ đó giúp đảm bảo nguồn cung điện. Chúng tôi cho rằng đây là yếu tố khá tích cực đối với các nhà máy điện LNG và điện khí, nhờ tỷ trọng Qc cao hơn; đồng thời, có tác động trung tính đối với các nhà máy nhiệt điện than; và hơi tiêu cực đối với các doanh nghiệp thủy điện.

- **POW (MUA) & NT2 (MUA)**: Chúng tôi nhận thấy dư địa tăng nhẹ đối với POW do (1) các nhà máy điện khí và điện LNG của công ty có mức giá PPA cho phần sản lượng trong Qc cam kết (~80% tổng sản lượng) cao hơn so với giá CGM, qua đó bù đắp cho tác động từ (2) mức giảm đối với lợi nhuận tại hai nhà máy thủy điện Hòa Na và Đắk Rinh do giá PPA thấp hơn giá CGM. Trong kịch bản xấu hơn, tác động có thể ở mức trung tính nếu sản lượng huy động thấp hơn.

* **QTP (MUA) & PPC (KHẢ QUAN)**: Chúng tôi đánh giá tác động tổng thể là trung tính, với các hiệu ứng đan xen. Chúng tôi kỳ vọng sẽ có tác động tích cực nhẹ từ giá bán, do việc thanh toán toàn bộ theo PPA cho phép chuyển giao chi phí tốt hơn, qua đó giảm rủi ro bán điện dưới chi phí biến đổi. Tuy nhiên, điều này có thể tạo ra rủi ro giảm nhẹ về sản lượng, do cơ chế huy động tập trung có thể làm giảm tính minh bạch và gây biến động mức độ vận hành, đặc biệt đối với các tổ máy kém hiệu quả như PPC.

* **REE (MUA) & HDG (MUA)**: có thể mất đi tiềm năng tăng trưởng từ mức giá CGM cao đối với phần sản lượng ngoài Qc (chiếm khoảng 2% tổng sản lượng).

Doanh thu sơ bộ quý 1/2026 của DMX: Tăng trưởng mạnh trên diện rộng tại cả mảng bán lẻ và dịch vụ; Tăng tốc mở rộng chuỗi của hàng EraBlue

* Doanh thu quý 1/2026 đạt 32.416 tỷ đồng (+33% YoY, chủ yếu nhờ đà tăng trưởng doanh thu tại các cửa hàng hiện hữu - SSSG), hoàn thành 26% kế hoạch cả năm của công ty (122.500 tỷ đồng) và 28% dự báo năm 2026 của chúng tôi, cao hơn so với kỳ vọng của chúng tôi.

* Các ngành hàng chính ghi nhận mức tăng trưởng mạnh: Điện thoại thông minh (Apple: +65% YoY, Android: +15% YoY), TV (+30% YoY), Tủ lạnh (+45% YoY), Máy giặt (+30% YoY), Máy điều hòa (+20% YoY), Điện gia dụng (+45% YoY), Laptop (+30% YoY), và Phụ kiện (+35% YoY).

* Doanh thu dịch vụ (+15% YoY): doanh số bán lẻ trả góp cho người tiêu dùng tăng 50% YoY, doanh thu Thợ điện máy xanh (Thợ DMX) tăng 45% YoY lên 700 tỷ đồng. Thợ DMX (dịch vụ kỹ thuật viên) đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cho các khách hàng bên ngoài hệ sinh thái DMX, với doanh thu tăng mạnh 63% YoY lên mức 125 tỷ đồng.

* Mức độ tương tác trên Super App: Doanh thu qua SuperApp đóng góp 6%. Super App ghi nhận 44 triệu lượt truy cập, cho thấy mức độ tương tác ngày càng tăng của khách hàng với hệ sinh thái kỹ thuật số.

* Mở rộng EraBlue (Indonesia): Doanh thu EraBlue đạt 906 tỷ IDR (+100% YoY), được thúc đẩy bởi mức SSSG khả quan (25%). Chuỗi đã mở mới 117 cửa hàng so với cùng kỳ năm trước, qua đó nâng tổng số cửa hàng lên mức 212 cửa hàng (bao gồm 31 cửa hàng mở mới từ đầu năm đến nay). Ban lãnh đạo đặt mục tiêu sẽ vận hành 500 cửa hàng vào năm 2027 và 1.000 cửa hàng vào năm 2030.

Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của OIL: Kế hoạch LNST trước lợi ích CĐTS tăng trưởng 30% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi

1. Kế hoạch năm 2026

- **Tổng sản lượng tiêu thụ:** 5,9 triệu tấn (-2,5% so với thực hiện 2025; +9,4% so với kế hoạch 2025; bằng 98% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Trong giai đoạn 2021-2025, sản lượng tiêu thụ thực tế trung bình đạt 122% so với kế hoạch.

- **Doanh thu:** 150 nghìn tỷ đồng (-0,5% so với thực hiện 2025; +55% so với kế hoạch 2025; bằng 126% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- **LNST trước lợi ích CĐTS:** 656 tỷ đồng (+30% so với thực hiện 2025; +5,1% so với kế hoạch 2025; bằng 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi), về cơ bản phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo.

- **Số lượng trạm xăng do công ty sở hữu và vận hành (COCO) mới:** 113 trạm (cao hơn 88% so với dự báo 60 trạm của chúng tôi), tương ứng với mức tăng trưởng của hàng là 11,9%, nâng tổng số trạm COCO lên 1.063 trạm (cao hơn 5% so với dự báo 1.010 trạm của chúng tôi). Trong năm 2025, OIL đã thêm mới 117 trạm, nâng tổng số lên 950 trạm (+13,3% YoY, phù hợp với dự phóng của chúng tôi).

2. Chi trả cổ tức:

- **Cổ tức năm 2025:** OIL đã chốt mức cổ tức tiền mặt tạm chi cho năm 2025 là 250 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,7%), cao hơn dự báo 100 đồng/cổ phiếu của chúng tôi (lợi suất 0,7%).

- **Cổ tức năm 2026:** OIL đề xuất cổ tức tiền mặt năm 2026 là 250 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,7%), thấp hơn dự báo 300 đồng/cổ phiếu của chúng tôi (lợi suất 2,1%).

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị **KHẢ QUAN** cho cổ phiếu OIL với giá mục tiêu là 12.700 đồng/cổ phiếu.

Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của PLX: Kế hoạch sản lượng bán năm 2026 tăng 10% YoY nhằm hỗ trợ nguồn cung trong nước; kế hoạch lợi nhuận vẫn thận trọng, tiềm ẩn rủi ro giảm nhẹ

1. Kế hoạch năm 2026

- **Tổng sản lượng bán:** 19,4 triệu tấn (+9,8% so với năm 2025; +14,3% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 114% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- **Doanh thu:** 315 nghìn tỷ đồng (+1,7% so với năm 2025; +27,0% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 111% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- **LNTT:** 3.380 tỷ đồng (-7,8% so với năm 2025; +5,6% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 74% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Trong giai đoạn 2023-2025, LNTT thực tế trung bình cao hơn 24% so với kế hoạch. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng kế hoạch năm 2026 là tương đối thận trọng do PLX ưu tiên đảm bảo an ninh nguồn cung hơn là tối đa hóa lợi nhuận. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi.

2. Định hướng dài hạn (2026-2030):

- **Tổng sản lượng bán:** PLX đặt mục tiêu tăng trưởng sản lượng bán ở mức 7%/năm trong giai đoạn 2026–2030, cao hơn dự báo 4,3%/năm của chúng tôi, với giả định tăng trưởng GDP đạt ít nhất 10% trong giai đoạn này. Trong giai đoạn 2026–2027, PLX đặt mục tiêu tăng trưởng sản lượng 8,5%–10%, nhờ được hỗ trợ bởi triển vọng tăng trưởng kinh tế do Chính phủ thúc đẩy, hoạt động phát triển hạ tầng (ví dụ: các tuyến cao tốc mới) và sự gia tăng của nhu cầu kinh tế. Trong giai đoạn 2028–2030, PLX đặt mục tiêu tăng trưởng 6%–7%, xét đến các tác động từ xe điện và nhiên liệu xanh.

- **Doanh thu:** PLX đặt kế hoạch tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) ở mức 7% trong giai đoạn 2026–2030, cao hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi là CAGR 4,9% trong giai đoạn 2026–2029.

- **LNTT:** PLX đặt mục tiêu CAGR 6%–7% trong giai đoạn 2026–2030, thấp hơn đáng kể so với dự báo hiện tại của chúng tôi là CAGR 22,2% trong giai đoạn 2026–2029. Chúng tôi cho rằng đây là mức kế hoạch thận trọng. Dự báo của chúng tôi giả định biên lợi nhuận từ HĐKD sẽ phục hồi lên mức 1,7% trong năm 2027 (so với 0,8% trong năm 2025; và so với mức trung bình 3,2% trong giai đoạn 2015–2019), nhờ cơ chế giá mới và kỳ vọng biến động giá dầu ở mức vừa phải.

3. Chi trả cổ tức

- **Cổ tức năm 2025:** PLX dự kiến cổ tức tiền mặt tạm ứng năm 2025 sẽ ở mức 1.200 đồng/cổ phiếu (tương ứng lợi suất 3,0%), cao hơn kế hoạch trước đó là 1.000 đồng/cổ phiếu nhưng thấp hơn dự báo của chúng tôi là 1.500 đồng/cổ phiếu (tương ứng lợi suất 3,7%).

- **Cổ tức năm 2026:** PLX đề xuất chi trả cổ tức tiền mặt năm 2026 ở mức 1.000 đồng/cổ phiếu (tương ứng lợi suất 2,5%), thấp hơn dự báo của chúng tôi là 2.000 đồng/cổ phiếu (tương ứng lợi suất 4,9%). Trong lịch sử (trung bình giai đoạn 2023–2025), cổ tức thực tế thường cao hơn 30% so với kế hoạch. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo cổ tức của chúng tôi.

Quan điểm của chúng tôi: Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026, do khả năng sụt giảm của biên lợi nhuận (do ưu tiên đảm bảo an ninh nguồn cung) có khả năng sẽ lấn át tác động tích cực từ mức sản lượng bán cao hơn kỳ vọng. Trong giai đoạn 2027–2030, kế hoạch tăng trưởng sản lượng (7%/năm) cao hơn so với dự báo của chúng tôi (4,3%/năm) cho thấy dư địa điều chỉnh tăng đối với giả định sản lượng của chúng tôi.

Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PLX với giá mục tiêu là 41.100 đồng/ cổ phiếu.

VIB: Kế hoạch huy động vốn ngoại mạnh mẽ; mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận cao - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) vào ngày 08/04/2026. Các nội dung chính của cuộc họp bao gồm thảo luận về (1) kế hoạch kinh doanh năm 2026, (2) môi trường kinh tế vĩ mô và lãi suất, và (3) chiến lược dài hạn của VIB.

* Kế hoạch cổ tức cho cả năm 2025 bao gồm (1) cổ tức tiền mặt 9%, tương đương 900 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 5,2%), và (2) cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 9,5%. Ngoài ra, VIB sẽ phát hành 8 triệu cổ phiếu ESOP cho nhân viên, tương đương khoảng 0,24% lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại.

* Kế hoạch năm 2026:

- LNTT: 11,6 tỷ đồng (+27% YoY), cao hơn dự báo hiện tại của chúng tôi là 11,3 tỷ đồng (+24% YoY).

- Dư nợ cho vay: 429,3 tỷ đồng (+15% YoY) với sự tăng trưởng nguồn vốn mạnh mẽ ở mức 416,0 tỷ đồng (+26% YoY).

- Tỷ lệ nợ xấu < 3,0% so với mức 2,2% trong quý 4/2025.

VIB đang áp dụng cách tiếp cận thận trọng và có chọn lọc trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược mới. Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng ngân hàng vẫn tự tin vào các yếu tố nền tảng độc lập, được hỗ trợ bởi tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel III vững chắc ở mức 12,2% (so với yêu cầu 8%) và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) lành mạnh khoảng 18–20%. Do đó, VIB không vội vàng trong việc tìm kiếm đối tác mới, và bất kỳ nhà đầu tư tiềm năng nào cũng phải mang lại cả sự cộng hưởng chiến lược mạnh mẽ lẫn nguồn lực tài chính dồi dào.

Chúng tôi tin rằng kế hoạch lợi nhuận khả quan của VIB có thể được thúc đẩy bởi thu nhập mạnh mẽ từ mảng thẻ và bancassurance. Ban lãnh đạo tái khẳng định tham vọng trở thành đơn vị dẫn đầu thị trường về mảng thẻ trong ba năm tới, được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tích cực năm 2025 với hơn 1,1 triệu thẻ đang lưu hành (+29% YoY), chi tiêu qua thẻ lần đầu tiên vượt mốc 5 tỷ USD (+19% YoY), và thu nhập phí từ thẻ cùng dịch vụ bán lẻ vượt 2,0 tỷ đồng (+21% YoY). Đà tăng trưởng này dự kiến sẽ tiếp tục với việc triển khai các sản phẩm mới như điều chỉnh hạn mức tín dụng thời gian thực dựa trên AI, cùng với dòng thẻ One Card dành cho khách hàng cao cấp. Song song đó, VIB đang mở rộng hệ sinh thái thông qua các giải pháp Family Banking, nâng cấp Privilege Banking và các giải pháp Business Banking chuyên biệt.

VIB có kế hoạch huy động khoảng 1 tỷ USD vốn ngoại trong năm 2026 với kỳ hạn 3–5 năm nhằm hỗ trợ tăng trưởng bằng cân đối kế toán bền vững và đa dạng hóa cơ sở huy động vốn. Việc huy động vốn sẽ được chia làm hai đợt, đợt đầu tiên dự kiến vào cuối tháng 04/2026 và đợt thứ hai vào nửa cuối năm 2026. Ban lãnh đạo lưu ý rằng mặc dù lãi suất huy động tại một số ngân hàng nhỏ đã tăng lên trên 9%, VIB không có ý định tham gia vào cuộc đua huy động tiền gửi gặt gao này. Thay vào đó, ngân hàng xem nguồn vốn ngoại là một giải pháp thay thế hiệu quả hơn, với chi phí huy động vốn ngoại hiện tại ở mức khoảng 8,5%, thấp hơn một chút so với chi phí huy động vốn trong nước tương đương. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

HPG: Vị thế đầu ngành thép Việt Nam hưởng lợi từ các yếu tố thuận lợi trong nước và quốc tế - Cập nhật

Ngành	Thép		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	08/04/2026	TT Doanh thu	12%	26%	15%	9%
Giá hiện tại	28.000 VND	TT EPS	29%	42%	26%	17%
Giá mục tiêu	36.600 VND	Biên LN gộp	15,7%	17,1%	17,8%	18,5%
Giá mục tiêu gần nhất	35.700 VND	Biên LN ròng	9,9%	11,2%	12,2%	13,1%
TL tăng	+30,7%	EV/EBITDA	9,7x	7,1x	6,0x	5,3x
Lợi suất cổ tức	1,8%	P/E	14,4x	10,2x	8,1x	6,9x
Tổng mức sinh lời	+32,5%	P/B	1,7x	1,5x	1,3x	1,1x
GT vốn hóa	218,3 nghìn tỷ đồng				HPG	VNI
Room KN	57,9 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			14,4x	15,4x
GTGD/ngày (30n)	1,1 nghìn tỷ đồng	P/B (hiện tại)			1,7x	1,9x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE			12,6%	12,8%
SL cổ phiếu lưu hành	7,7 tỷ	ROA			6,4%	2,0%
Pha loãng	7,7 tỷ					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA cho CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) và nâng giá mục tiêu thêm gần 3% lên 36.600 đồng/cổ phiếu. Giá mục tiêu cao hơn của chúng tôi được thúc đẩy bởi mức tăng lần lượt 1%/3%/4%/5%/6% trong dự báo LNST sau lợi ích CĐTS các năm 2026/27/28/29/30F, chủ yếu phản ánh LNST sau lợi ích CĐTS mảng thép cao hơn 0%/2%/3%/4%/5%. Điều này bao gồm (1) việc Trung Quốc tái áp dụng cơ chế cấp phép xuất khẩu thép từ tháng 01/2026 sau 17 năm ngưng sử dụng, mà chúng tôi xem là một sự thay đổi chính sách đáng kể nhằm hạn chế xuất khẩu và giảm thiểu các xung đột thương mại, và (2) mức thuế mới của Việt Nam áp dụng cho thép HRC khổ rộng nhập khẩu từ Trung Quốc, có hiệu lực từ giữa tháng 04/2026. Chúng tôi phản ánh các yếu tố này chủ yếu thông qua giả định về giá bán trung bình và biên lợi nhuận mảng thép cao hơn. Những điểm tích cực này được bù đắp một phần bởi mức tăng

khoảng 4.000 tỷ đồng trong dự báo tổng chi phí lãi vay ròng giai đoạn 2026–30 (tương đương khoảng 2% tổng lợi nhuận từ HĐKD giai đoạn 2026–30), do lãi suất thị trường gần đây tăng mạnh hơn dự kiến.

* Chúng tôi điều chỉnh tăng nhẹ 1% dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026, chủ yếu nhờ lợi nhuận mảng bất động sản cao hơn do KQKD khả quan năm 2025. Chúng tôi giữ nguyên dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS mảng thép do các yếu tố tích cực nêu trên được bù đắp bởi chi phí lãi vay ròng cao hơn, trong khi lợi nhuận mảng nông nghiệp cũng hầu như không thay đổi.

* Tại mức giá thị trường, HPG đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 10,2 lần, mức hấp dẫn so với P/E trung bình 10 năm của HPG là 10,4 lần, cùng với tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 khả quan ở mức 42% YoY và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận kép (CAGR) giai đoạn 2025–28 đạt 28%.

* Yếu tố hỗ trợ: Giá thép tăng mạnh và bền vững hơn.

* Rủi ro: Sự gián đoạn nguồn cung dầu do xung đột tại Việt Nam có thể làm suy yếu hoạt động xây dựng, từ đó làm giảm nhu cầu thép và sản lượng tiêu thụ trong nước.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	73	0,0	13.700	25.500	86%	0,0%	86%	KQ	17/01/25	38,8	9,2	15,3	1,1
DGC	Công nghiệp	43%	803	17,5	55.700	91.200	64%	5,4%	69%	MUA	02/03/26	7,4	7,1	15,3	1,4
KDH	Bất động sản	21%	1.114	4,9	26.150	43.700	67%	0,0%	67%	MUA	09/03/26	30,0	18,9	19,9	1,6
HVN	Hàng không	22%	2.682	1,4	22.700	37.100	63%	0,0%	63%	KQ	22/07/25	9,7	8,2	19,1	11,9
NLG	Bất động sản	9%	541	4,6	29.350	45.800	56%	1,3%	57%	MUA	09/03/26	17,1	21,2	19,9	1,1
BMP	VLXD	19%	414	1,2	133.200	192.500	45%	12,0%	57%	MUA	12/11/25	9,0	7,8	15,7	3,8
PVS	Dầu khí	33%	742	14,0	38.200	58.100	52%	0,0%	52%	MUA	26/02/26	13,4	12,9	21,7	1,3
SZC	KCN	16%	196	0,7	28.650	42.400	48%	3,5%	51%	KQ	01/07/25	16,2	14,7	19,9	1,6
FPT	CNTT	16%	5.117	31,8	79.100	116.600	47%	2,9%	50%	MUA	22/10/25	15,6	13,9	20,1	3,7
BMI	Bảo hiểm	22%	91	0,3	15.850	23.100	46%	3,2%	49%	MUA	12/04/24	10,6	6,3	13,6	0,8
PVT	Dầu khí	36%	393	11,4	22.000	30.800	40%	4,5%	45%	MUA	13/03/26	10,4	7,2	13,3	1,2
VGC	KCN	47%	781	1,4	45.900	64.100	40%	4,8%	44%	MUA	21/10/25	14,7	13,1	15,7	2,4
PLC	Dầu khí	48%	71	0,5	23.000	31.900	39%	4,3%	43%	MUA	12/09/25	136,9	7,4	15,3	1,5
SSI	Chứng khoán	68%	2.781	38,3	29.400	40.800	39%	3,4%	42%	KQ	27/08/25	14,9	16,1	18,8	2,3
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.211	1,5	45.400	59.000	30%	11,0%	41%	MUA	06/01/26	13,6	12,9	15,4	2,8
ACG	Gỗ	12%	195	0,0	34.000	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	14,7	1,2
VPB	Ngân hàng	5%	8.315	20,3	27.600	38.000	38%	1,8%	39%	MUA	19/11/25	9,1	7,2	11,3	1,3
BWE	Điện & Nước	45%	360	0,5	43.050	58.700	36%	3,0%	39%	MUA	02/02/26	11,5	10,4	12,4	1,6
TCB	Ngân hàng	0%	8.261	18,6	30.700	41.500	35%	3,9%	39%	MUA	04/03/26	8,6	7,3	11,3	1,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.343	11,8	39.200	54.000	38%	1,3%	39%	MUA	30/12/25	23,1	25,8	13,3	2,0
MBB	Ngân hàng	0%	8.136	25,5	26.600	35.000	32%	1,9%	33%	MUA	13/03/26	8,6	6,7	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	84%	6.940	4,6	141.200	181.700	29%	4,2%	33%	PHTT	28/11/25	27,4	23,9	15,4	10,1
ACB	Ngân hàng	2%	4.701	12,4	24.100	32.000	33%	0,0%	33%	MUA	05/03/26	8,0	6,6	11,3	1,3
DCM	Phân bón	40%	910	12,2	45.250	57.600	27%	4,4%	32%	MUA	10/03/26	13,3	8,6	15,3	2,2
HPG	VLXD	27%	8.161	41,1	28.000	35.700	28%	2,9%	30%	MUA	10/11/25	14,4	10,3	14,7	1,7
MSN	Bán lẻ	76%	4.266	20,4	77.700	101.200	30%	0,0%	30%	MUA	21/05/25	27,4	26,5	13,3	3,2
HDC	Bất động sản	47%	143	2,2	18.900	24.600	30%	0,0%	30%	KQ	09/01/26	5,9	12,1	19,9	1,3

TLG	Văn phòng phẩm	88%	185	0,3	50.400	61.900	23%	6,9%	30%	MUA	12/09/25	10,8	8,2	9,6	1,9
GMD	GTVT	8%	1.207	6,6	74.500	93.900	26%	3,1%	29%	MUA	26/02/26	20,2	13,2	13,3	2,4
POW	Điện & Nước	47%	1.514	9,6	13.000	16.700	28%	0,0%	28%	MUA	27/03/26	16,3	16,5	12,4	1,2
HDB	Ngân hàng	5%	5.008	20,2	26.350	33.000	25%	1,9%	27%	MUA	06/03/26	7,3	6,3	11,3	1,8
KBC	KCN	40%	1.196	5,5	33.450	42.500	27%	0,0%	27%	MUA	13/03/26	14,7	10,6	19,9	1,3
NVL	Bất động sản	44%	1.336	10,8	15.750	20.000	27%	0,0%	27%	MUA	01/10/25	18,3	87,9	19,9	0,8
F88	Tài chính TT	42%	553	0,4	132.500	168.000	27%	0,0%	27%	KQ	21/01/26	20,3	14,8	#N/A	6,0
CTG	Ngân hàng	5%	10.470	12,6	35.500	44.900	26%	0,0%	26%	MUA	10/03/26	9,1	7,9	11,3	1,6
GAS	Dầu khí	47%	7.321	8,7	79.900	98.200	23%	3,1%	26%	PHTT	23/01/26	17,2	14,6	12,4	2,9
DXG	Bất động sản	30%	627	9,9	14.850	18.700	26%	0,0%	26%	MUA	06/04/25	71,4	74,6	19,9	1,2
HDG	Điện & Nước	30%	404	3,7	28.750	36.200	26%	0,0%	26%	MUA	23/03/26	15,5	12,7	19,9	1,6
NT2	Điện & Nước	36%	286	1,2	26.200	30.300	16%	9,5%	25%	MUA	26/02/26	7,8	7,1	12,4	1,6
MWG	Bán lẻ	0%	4.567	26,6	81.900	101.000	23%	1,2%	25%	MUA	14/10/25	17,0	14,4	12,8	3,7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	505	1,8	59.200	71.600	21%	3,4%	24%	MUA	26/01/26	9,7	7,5	15,4	1,4
VCB	Ngân hàng	10%	19.100	17,8	60.200	73.500	22%	0,7%	23%	MUA	17/03/26	15,5	12,8	11,3	2,2
QTP	Điện & Nước	-1%	220	0,7	12.900	14.600	13%	7,8%	21%	MUA	10/12/25	5,7	8,8	12,4	1,0
TV2	Điện & Nước	7%	95	0,9	37.150	43.900	18%	2,7%	21%	MUA	18/09/25	42,3	14,8	13,3	2,0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	663	0,1	47.600	53.400	12%	8,4%	21%	KQ	30/08/24	9,1	6,8	15,4	1,6
AST	DV Hàng không	3%	119	0,0	69.900	80.600	15%	5,0%	20%	MUA	26/08/25	12,6	12,2	12,8	5,4
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.968	12,2	62.600	70.300	12%	6,4%	19%	MUA	24/04/25	13,9	14,9	15,4	4,3
FRT	Bán lẻ	16%	990	3,5	153.100	178.800	17%	0,7%	17%	MUA	13/11/25	32,9	23,2	12,8	6,3
CTR	CNTT	44%	379	1,4	87.300	100.400	15%	2,3%	17%	KQ	12/09/25	22,2	19,4	15,7	4,8
SIP	KCN	46%	564	0,9	61.300	69.800	14%	3,3%	17%	MUA	22/12/25	11,9	11,5	19,9	2,9
DHC	Công nghiệp	15%	130	0,5	35.350	40.100	13%	3,7%	17%	MUA	16/12/25	8,7	8,4	14,7	1,5
TDM	Điện & Nước	49%	241	0,1	57.200	65.300	14%	2,6%	17%	KQ	02/02/26	32,9	30,9	12,4	2,5
IDC	KCN	32%	700	4,8	48.600	54.600	12%	4,1%	16%	MUA	17/03/26	9,6	9,3	19,9	2,9
DPG	Điện & Nước	30%	193	0,9	42.750	48.700	14%	2,3%	16%	MUA	06/01/26	10,8	6,5	15,7	2,3
PHR	Công nghiệp	35%	324	0,7	63.000	71.300	13%	2,1%	15%	MUA	25/03/26	18,5	9,1	15,3	2,1
REE	Điện & Nước	0%	1.372	4,7	66.700	75.900	14%	1,5%	15%	MUA	23/02/26	26,1	12,2	13,3	1,7
DPM	Phân bón	44%	746	13,7	28.900	31.200	8%	4,2%	12%	PHTT	10/03/26	22,1	13,0	15,3	1,7

PC1	Điện & Nước	34%	426	8,8	27.300	30.500	12%	0,0%	12%	MUA	02/02/26	11,5	10,3	15,7	1,7
VRE	Bất động sản	37%	2.381	5,0	27.600	30.700	11%	0,0%	11%	KQ	30/03/26	9,7	11,5	19,9	1,3
BID	Ngân hàng	13%	11.458	12,2	41.450	46.100	11%	0,0%	11%	MUA	17/11/25	10,9	12,1	11,3	1,8
PPC	Điện & Nước	44%	126	0,4	10.350	11.000	6%	4,8%	11%	KQ	10/12/25	20,4	10,2	12,4	0,7
DXS	Bất động sản	43%	166	0,6	7.540	8.300	10%	0,0%	10%	KQ	06/04/25	13,8	13,0	19,9	0,7
PTB	Công nghiệp	10%	151	0,3	49.350	52.000	5%	4,3%	10%	KQ	06/10/25	6,6	8,5	14,7	1,2
PVD	Dầu khí	37%	696	10,4	32.950	35.600	8%	0,0%	8%	MUA	09/01/26	20,5	16,5	21,7	1,1
PNJ	Bán lẻ	0%	1.386	6,3	107.000	113.500	6%	1,9%	8%	MUA	07/11/25	13,9	15,6	9,6	2,8
BSR	Lọc hóa dầu	47%	4.887	24,2	25.700	27.000	5%	2,7%	8%	PHTT	18/03/26	24,8	7,9	21,7	2,1
ACV	Hàng không	47%	6.333	1,9	46.900	50.100	7%	0,0%	7%	PHTT	06/04/25	15,3	14,7	13,3	2,4
VIB	Ngân hàng	0%	2.243	5,8	17.350	18.500	7%	0,0%	7%	KQ	23/05/25	8,1	6,6	11,3	1,3
VEA	Ô-tô	48%	1.687	0,6	33.600	30.800	-8%	14,3%	6%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,3	1,7
SCS	DV Hàng không	19%	195	0,5	54.200	51.200	-6%	10,1%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,4	19,1	3,5
PLX	Xăng dầu	6%	1.954	11,0	40.500	41.100	1%	3,0%	4%	MUA	13/10/25	21,0	17,6	21,7	2,0
DGW	Bán lẻ	26%	384	3,4	45.750	45.400	-1%	1,1%	0%	PHTT	18/11/25	18,4	16,3	12,8	3,0
VHM	Bất động sản	41%	19.184	23,3	123.000	122.600	0%	0,0%	0%	KQ	30/03/26	12,1	11,7	19,9	2,1
TPB	Ngân hàng	6%	1.738	7,1	16.500	15.800	-4%	0,0%	-4%	MUA	27/05/25	6,2	6,0	11,3	1,1
VTP	GTVT	44%	491	2,3	74.800	69.000	-8%	2,0%	-6%	PHTT	06/09/24	26,1	22,0	13,3	7,3
GVR	Công nghiệp	12%	5.043	5,4	33.200	30.500	-8%	1,2%	-7%	KQ	31/12/25	23,6	21,7	15,3	2,4
HSG	VLXD	45%	356	1,8	15.100	13.500	-11%	3,3%	-7%	PHTT	18/04/25	15,0	16,0	14,7	0,8
NKG	VLXD	45%	240	2,2	14.150	13.100	-7%	0,0%	-7%	PHTT	18/04/25	32,1	10,9	14,7	0,8
OIL	Dầu khí	6%	569	4,2	14.400	12.700	-12%	0,7%	-11%	KQ	17/10/25	35,1	31,8	21,7	1,4
LPB	Ngân hàng	4%	5.388	4,0	47.500	39.300	-17%	2,1%	-15%	KKQ	18/11/25	12,5	13,1	11,3	3,0
STB	Ngân hàng	18%	4.725	31,5	66.000	55.400	-16%	0,0%	-16%	KQ	08/12/25	21,0	10,6	11,3	2,1
BVH	Bảo hiểm	22%	2.354	2,2	83.500	56.900	-32%	1,1%	-31%	KQ	26/05/25	20,9	19,8	13,6	2,5
VJC	Hàng không	24%	3.808	11,1	169.500	114.000	-33%	0,0%	-33%	KQ	15/03/24	47,2	19,0	19,1	4,1
VIC	Bất động sản	45%	44.887	36,3	153.400	101.600	-34%	0,0%	-34%	BÁN	30/03/26	100,9	104,2	19,9	8,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	130.663	2.562	17	14,7	11,7	10,0	14,7	1,8	23,2	18,1	14,4	2,0	2,8%
KHẢ QUAN	20	48.460	2.423	7	16,3	14,1	12,3	14,3	2,2	24,6	19,4	14,8	2,6	1,6%
PHÙ HỢP TT	11	29.581	2.689	1	19,5	17,4	12,9	19,9	2,8	29,4	19,2	13,9	3,3	4,1%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.388	5.388	0	15,4	12,5	13,1	10,4	3,0	15,4	12,5	13,1	3,0	2,1%
BÁN	1	44.887	44.887	1	95,9	100,9	104,2	66,9	8,0	95,9	100,9	104,2	8,0	0,0%
TỔNG CỘNG	84	258.979	3.083	26	18,3	15,1	12,9	16,4	2,3	25,1	19,5	15,5	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.543	7.462	11	11,8	10,3	8,7	12,3	1,7	11,4	10,4	8,6	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.444	1.222	1	27,3	20,2	18,4	14,3	2,4	20,0	15,7	13,1	1,7	2,1%
Chứng khoán	1	2.781	2.781	1	23,5	14,9	16,1	20,6	2,3	23,5	14,9	16,1	2,3	3,4%
Tài chính thay thế	1	553	553	0	41,5	20,3	14,8	25,7	6,0	41,5	20,3	14,8	6,0	0,0%
Tiêu dùng	13	29.131	2.241	4	18,8	16,3	15,3	19,7	3,6	24,9	17,1	15,1	3,6	4,8%
CNTT	1	5.117	5.117	1	18,5	15,6	13,9	23,0	3,7	18,5	15,6	13,9	3,7	2,9%
Bất động sản	9	70.380	7.820	2	45,0	28,5	29,1	23,1	3,5	35,8	31,0	39,5	2,0	0,1%
Vật liệu	4	9.171	2.293	1	17,7	14,3	10,3	17,9	1,6	14,7	17,6	11,2	1,8	4,5%
Điện & Nước	12	6.581	548	1	22,6	16,2	13,6	20,0	1,5	30,6	18,7	13,9	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.286	1.829	2	26,2	19,0	11,6	22,0	2,1	38,2	31,5	13,7	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.351	270	0	9,1	8,1	7,6	12,2	1,3	14,6	14,4	8,3	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.804	1.258	1	25,1	17,7	15,2	18,7	2,1	26,0	15,6	12,8	2,2	2,7%
GTVT & Logistics	7	14.835	2.119	1	14,8	16,7	13,4	18,0	3,3	20,2	19,7	13,8	5,3	2,9%
TỔNG CỘNG	84	258.979	3.083	26	18,3	15,1	12,9	16,4	2,3	25,1	19,5	15,5	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q4 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	-7%		MUA		Chi phí dự phòng một lần trong quý 4 ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh cả năm, nhưng củng cố chất lượng tài sản cho triển vọng tăng trưởng năm 2026
BID	17%		MUA		Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ NIM và thu hồi nợ xấu tốt hơn dự kiến
CTG	36%		MUA		Lợi nhuận năm 2025 tăng trưởng lợi mạnh nhờ chất lượng tài sản cải thiện đáng kể
HDB	34%		KQ		Lợi nhuận phục hồi trong quý 4/2025 với đà tăng trưởng tín dụng vượt dự kiến ; chất lượng tài sản cải thiện
LPB	18%		BÁN		KQKD vượt kỳ vọng nhờ thu hồi nợ xấu tích cực, tuy nhiên vẫn tồn tại rủi ro điều chỉnh giảm đối với tăng trưởng tín dụng
MBB	18%		MUA		Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng tín dụng dẫn đầu và chất lượng tài sản cải thiện mạnh
STB	-40%		MUA		Chi phí dự phòng cho các khoản tổn động lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2025
TCB	17%		MUA		KQKD phù hợp kỳ vọng với hiệu quả hoạt động vững chắc trên các chỉ số chính và tiến triển tích cực trong việc đa dạng hóa danh mục tín dụng
TPB	21%		MUA		Chất lượng tài sản cải thiện, lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi
VCB	4%		MUA		Kết quả quý 4 khả quan với NIM cải thiện đáng kể
VIB	7%		KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	52%		MUA		Động lực tăng trưởng toàn tập đoàn củng cố mục tiêu lợi nhuận 2026 mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	9%		MUA		Lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng do doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng yếu trong quý 4, chi phí trích lập dự phòng nợ xấu tăng mạnh
BVH	43%		KQ		Mức dự phòng kỹ thuật thấp hơn, và mức tăng mạnh của thu nhập tài chính giúp hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận
SSI	43%		MUA		Thị phần môi giới tiếp tục tăng
F88	39%		KQ		KQKD năm 2025 vững chắc với đà tăng trưởng mạnh mẽ tiếp tục trong năm 2026
Tiêu dùng					
CTR	11%	14%	KQ		LNST sau lợi ích CBDS tăng 11% YoY trong năm 2025, phù hợp với kỳ vọng
DGW	23%		PHTT		KQKD cốt lõi khả quan bù đắp chi phí tài chính tăng, qua đó hỗ trợ LNST sau lợi ích CBDS năm 2025 tăng 23% YoY

FPT	19%		MUA	LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 tăng 19% YoY, vượt nhẹ dự báo; tăng trưởng doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài tăng lên mức 23% YoY
FRT	150%		MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng lợi nhuận vững chắc; lợi nhuận ròng của FPT Shop tăng tốc trong quý 4/2025
MSN (2)	111%		MUA	WCM tiếp tục với công thức thành công, MCH tăng tốc trở lại trong 2026
MCH	-15%		PHTT	Doanh thu quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng, với quý 4/2025 là điểm đổi chiều xu hướng
MWG	89%		MUA	GDD & ĐMX duy trì đà tăng trưởng mạnh, BHX tăng tốc, đặt kế hoạch LNST trong năm 2026 tăng 30% YoY
PNJ	33%		MUA	KQKD quý 4 tích cực với doanh thu bán lẻ tăng 27% YoY, LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 67% YoY – vượt kỳ vọng
QNS	-24%		KQ	Lợi nhuận năm 2025 chịu áp lực từ KQKD kém khả quan của mảng đường và chi phí A&P tăng cao, nhưng được bù đắp một phần bởi đà tăng trưởng ổn định của mảng sữa đậu nành
SAB	2%	5%	MUA	Biên lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong năm 2025, LNST sau lợi ích CĐTS tăng 2% YoY bất chấp áp lực từ sản lượng bia
TLG	-2%	20%	MUA	Lãi bất thường thúc đẩy KQKD quý 4 tăng mạnh, dù lợi nhuận năm tài chính 2025 thấp hơn kỳ vọng
VEA	0%	-3%	PHTT	Lợi nhuận năm 2025 đi ngang, chịu áp lực từ sự dịch chuyển mang tính cấu trúc của thị trường sang giao thông xanh
VHC	11%	30%	MUA	Kết quả quý 4 thấp hơn kỳ vọng và sự sụt giảm thu nhập tài chính gây áp lực lên lợi nhuận năm 2025
VNM	0%		MUA	Mục tiêu tăng trưởng sơ bộ một chữ số, chi phí SG&A cao hơn cho các chiến dịch marketing trong năm 2026
GTVT & Logistics				
ACV	5%	-35%	KQ	Hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK chịu tác động từ chi phí sửa chữa tài sản tăng mạnh trong quý 4; KQKD 2025 nhìn chung phù hợp dự báo
AST	68%	6%	MUA	Lợi nhuận năm 2025 vượt kỳ vọng; tăng trưởng được dẫn dắt bởi việc mở rộng mạng lưới và biên lợi nhuận duy trì ở mức cao, củng cố tiềm năng tăng trưởng từ năm 2026
GMD (2)	24%	31%	MUA	MUA Tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 được thúc đẩy bởi toàn bộ các cảng; định giá hấp dẫn
HVN	-3%	19%	PHTT	Biên lợi nhuận thu hẹp ảnh hưởng đến KQKD quý 4/2025; kết quả cả năm thấp hơn kỳ vọng
SCS	8%	-6%	PHTT	Doanh thu quý 4 cải thiện QoQ nhờ yếu tố mùa vụ; biên lợi nhuận giảm QoQ nhiều khả năng do chi phí thường cuối năm
VJC	51%	N.A	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 tăng 49% YoY; doanh thu quý 4 bứt phá nhờ SALB & ROFR
VTP	13%	19%	PHTT	Lợi nhuận năm 2025 ổn định nhờ động lực tăng trưởng bền vững từ thương mại điện tử
Bất động sản				
DXG	-28%	108%	MUA	Lợi nhuận sụt giảm mạnh trong quý 4/2025 do số lượng bàn giao tại GSW thấp hơn và chi phí SG&A tăng vọt

DXS	139%	67%	MUA		Doanh thu quý 4 tăng mạnh nhưng lợi nhuận yếu do biên lợi nhuận thu hẹp
HDC	815%	-51%	KQ		Quý 4 tiếp tục ghi nhận lợi nhuận từ việc thoái vốn tại dự án Đại Dương, vượt nhẹ dự báo
NVL	N.M.	-79%	MUA		Lợi nhuận quý 4 đến từ khoản hoàn nhập dự phòng tại Lakeview City, bù đắp cho tiến độ bàn giao BĐS chậm hơn kỳ vọng
KDH	20%	58%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS của các dự án tại khu vực lõi TP.HCM dự kiến duy trì tích cực bất chấp các yếu tố bất lợi
NLG	34%	-20%	MUA	MUA	Backlog lớn dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi; định giá hấp dẫn
VHM	36%	1%	KQ		Lợi nhuận và doanh số bán BĐS năm 2025 vượt kỳ vọng nhờ giao dịch bán lô lớn tại dự án Ocean Park 2&3 trong quý 4
VIC	13%	2%	BÁN		Lợi nhuận mảng BĐS cao, dẫn dắt lợi nhuận cả năm cao hơn nhẹ so với dự báo
VRE	57%	-16%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 tăng 57% YoY nhờ chuyển nhượng dự án trong quý 4, mảng cho thuê bán lẻ duy trì tăng trưởng ổn định cả năm; phù hợp với dự báo
Khu công nghiệp					
GVR	41%	9%	KQ		Lợi nhuận quý 4 giảm QoQ, trong khi lợi nhuận cả năm 2025 tăng trưởng mạnh YoY, phù hợp với kỳ vọng
IDC	-3%	4%	MUA	MUA	Lợi thế từ quỹ đất có vị trí thuận lợi hỗ trợ đa phục hồi của doanh số cho thuê
KBC	462%	39%	MUA	MUA	Quỹ đất và backlog chưa ghi nhận lớn hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
PHR	12%	58%	KQ		Lợi nhuận quý 4/2025 giảm do thu nhập bồi thường thấp hơn, trong khi lợi nhuận cả năm 2025 vẫn duy trì đà tăng
SIP	16%	4%	MUA		Lợi nhuận năm 2025 tăng YoY, nhờ mảng tiện ích KCN và hoạt động bàn giao tại dự án KĐT Phước Đông
SZC	14%	11%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 vượt nhẹ dự báo; dự báo năm 2026 dự kiến không có thay đổi đáng kể
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	20%	26%	MUA		Kết quả lợi nhuận cốt lõi phù hợp với kỳ vọng, nhưng lợi nhuận báo cáo lại thấp hơn dự kiến do khoản trích lập nợ xấu bất ngờ trong quý 4
BMP	24%	15%	MUA		Lợi nhuận quý 4 thấp hơn kỳ vọng do doanh thu, biên lợi nhuận thấp hơn dự kiến
DGC	1%	23%	MUA		Biên lợi nhuận giảm trong quý 4 ảnh hưởng lợi nhuận; kết quả năm 2025 thấp hơn kỳ vọng
DHC	62%	3%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng 2.7x YoY nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện; GL3 là động lực tăng trưởng tiếp theo
HPG	29%	41%	MUA		Lợi nhuận năm 2025 thấp hơn một chút so với dự báo; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ cho dự báo năm 2026
HSG (1)	8%	-5%	PHTT		Lợi nhuận Q1 năm tài chính 2026 tiếp tục yếu, giảm cả QoQ và YoY; rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		Q4 ghi nhận lỗ ròng do doanh thu suy yếu và biên lợi nhuận bị thu hẹp; rủi ro điều chỉnh giảm dự phóng

PTB	36%	-19%	KQ		Kết quả sơ bộ năm 2025 vượt dự báo; việc hoãn tăng thuế gỗ của Mỹ mở ra tiềm năng tăng dự báo cho năm 2026
STK	299%	231%	KQ		KQKD năm 2025 thấp hơn kỳ vọng; áp lực tỷ giá giảm trong quý 4 nhưng hoạt động cốt lõi chưa phục hồi
Điện & Nước					
BWE (2)	30%	9%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi vượt 15% so với dự báo, tiềm năng tăng nhẹ dự báo LNST năm 2026
GEX	-9%		MUA		Thuế từ khoản lãi thoái vốn và lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán tạo áp lực lên lợi nhuận, dù mảng kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng
HDG	103%		KQ		Lượng bàn giao tại Charm Villas ghi nhận ở mức tương đối hạn chế, rủi ro giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
NT2	1106%	11%	MUA		LNST đạt mức cao kỷ lục trong quý 4/2025, tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1	125%	12%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo trong quý 4 tăng mạnh 9 lần YoY nhờ mảng xây lắp điện, bán BĐS và thoái vốn
POW	111%	-22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng gấp 11 lần YoY, LNST báo cáo năm 2025 hoàn thành 109% dự báo 2025, tiềm năng tăng dự báo
PPC	-60%	99%	KQ		KQKD quý 4/2025 tích cực dù sản lượng giảm, nhờ khoản doanh thu chênh lệch tỷ giá
QTP	62%	-35%	MUA		Lợi nhuận quý 4 tăng mạnh nhờ khoản doanh thu chênh lệch tỷ giá; Tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo cổ tức tiền mặt và LNST năm 2026
REE	27%	17%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 giảm nhẹ YoY, rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
TDM (2)	6%	8%	PHTT	KQ	LNST năm 2025 vượt dự báo 16%, tiềm năng tăng trưởng so với dự báo năm 2026.
TV2	24%	186%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng mạnh 77% YoY, LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo năm 2025 hoàn thành 139% dự báo năm 2025 của chúng tôi
DPG	79%	65%	MUA		Ghi nhận doanh số BĐS chậm hơn so với kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh giảm
VGC	27%		MUA		Lượng bàn giao đất KCN duy trì ổn định, LNST cốt lõi phù hợp với dự báo
Dầu khí					
BSR	722%	215%	BÁN	PHTT	Lợi nhuận quý 4/2025 phục hồi mạnh nhờ mức tăng của biên lợi nhuận và sự phục hồi của sản lượng, kết quả vượt kỳ vọng
DCM (2)	44%	55%	MUA	MUA	LNST cốt lõi tăng mạnh nhờ giá urê cao hơn và giá khí đầu vào giảm
DPM	81%	70%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp 6.3 lần YoY nhờ giá bán trung bình tăng và giá khí giảm
GAS	10%		MUA		Kết quả LNST cốt lõi quý 4 phù hợp dự báo, khoản trích lập dự phòng góp phần làm giảm LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo
OIL (2)	25%		KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng gấp 3 lần nhờ đà tăng trưởng của sản lượng, và sự ổn định của giá bán lẻ; kết quả nhìn chung vượt kỳ vọng

PLX (2)	-4%		MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng 41% YoY nhờ mức tăng trưởng mạnh của sản lượng, dù giá dầu giảm; kết quả nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PLC	-69%		MUA		Lợi nhuận quý 4 giảm do trích lập dự phòng một lần và biên lợi nhuận mỏng hóa chất giảm, một phần bù đắp bởi mức lợi nhuận gấp đôi của mảng nhựa đường
PVD (2)	16%	48%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng 56% YoY nhờ mảng khoan và dịch vụ giếng khoan tích cực; cao hơn một chút so với dự báo
PVS (2)	70%	10%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng gấp đôi nhờ biên lợi nhuận mảng M&C cải thiện mạnh; tiềm năng điều chỉnh tăng
PVT (2)	-2%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi năm 2025 tăng nhẹ 2% nhờ mở rộng đội tàu dù giá cước tàu giảm mạnh, phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2 năm tài chính 2025-quý 1/năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.756,6	79,0
VN 30	1.931,0	90,1
VN Mid	2.234,5	99,9
VNSmall	1.426,1	36,7

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	253,3	6,6
HNX30	550,3	22,6
VNX Allshare	2.890,7	131,7

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,7	2,1

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	4.525,6	12,9%
Khối ngoại mua	3.609,4	10,3%
Khối ngoại bán	4.194,7	12,0%
Tổng giao dịch	34.985,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	30,0	1,5%
Khối ngoại mua	51,3	2,6%
Khối ngoại bán	63,0	3,2%
Tổng giao dịch	1.980,4	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	152,2	22,9%
Khối ngoại mua	7,4	1,1%
Khối ngoại bán	12,6	1,9%
Tổng giao dịch	663,4	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PNJ	7.000	7,0%
BMP	8.700	7,0%
HHS	900	7,0%
VRE	1.800	7,0%
STB	4.300	7,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHS	1.400	8,1%
IPA	1.200	7,7%
MBS	1.400	7,0%
CEO	1.100	6,7%
BVS	1.700	6,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MVN	3.568	7,4%
DHB	842	7,2%
IDP	15.000	6,0%
AAS	488	5,8%
PXL	717	5,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DCL	-2.550	-5,2%
VVS	-2.500	-2,5%
LPB	-500	-1,0%
SHI	-100	-0,7%
CDC	-100	-0,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CST	-300	-2,0%
AAV	-100	-1,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MVC	-499	-3,2%
GTD	-2.934	-1,8%
ECO	-173	-0,6%
BCA	-79	-0,4%
VGR	-302	-0,4%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	2.427
SSI	1.913
VIC	1.763
VIX	1.449
FPT	1.287

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	597
CEO	326
PVS	234
MBS	186
IDC	89

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
GTD	214
HNG	151
VGI	94
MSR	92
OIL	48

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
LGL	13.061.051	72.105
CDC	1.164.646	178.491
VPG	952.508	177.276
ASP	641.920	132.005
BKG	1.873.034	396.264
DCL	1.948.340	466.588
C47	305.473	79.001
DC4	750.292	235.829
PTB	468.940	151.432
SBT	4.292.750	1.405.151

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SVN	1.065.093	201.114
SJE	158.507	58.285
IVS	190.673	71.358
DXP	1.320.102	520.630
EVS	331.824	130.986
VIG	235.813	102.580
DTD	546.746	241.315
BVS	578.411	285.567
PV2	285.201	153.436
SHS	32.399.055	18.160.957

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
NED	278.912	59.286
HHG	762.170	174.108
VBB	275.519	86.585
HBC	3.709.107	1.219.087
CLX	238.212	80.152
QNS	188.771	65.690
MPC	111.321	56.240
SBS	1.477.583	768.041
ABI	108.232	58.570
VHG	234.987	129.522

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.909,5		15,1	2,4	18,2
TCX	4.502,9	90,2	18,9	2,7	16,2
VCK	3.504,2	95,4	23,5	3,2	17,8
SSI	2.781,0	68,3	15,0	2,3	14,0
VPX	2.075,4	94,9	12,7	1,6	13,9
VIX	1.684,1	91,9	5,4	2,1	28,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	710,3		13,9	1,8	13,6
BVH	2.353,7	21,6	21,9	2,5	12,1
PVI	698,2	43,3	16,7	2,3	13,8
BIC	184,5	7,9	9,0	1,5	17,5
VNR	160,0	22,7	9,6	1,0	10,8
MIG	155,0	83,9	12,5	1,6	13,7

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.905,1		20,0	3,9	22,6
ACV	6.332,8	47,0	15,4	2,4	16,7
GEE	2.789,3	49,1	22,5	9,2	45,2
MVN	2.373,7	0,0	32,1	4,4	14,6
VEA	1.686,6	47,6	6,2	1,7	27,1
GEX	1.343,2	43,0	23,9	2,0	9,3

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.954,3		18,8	4,6	26,4
MCH	6.940,5	84,5	25,6	10,1	46,4
VNM	4.968,0	51,1	13,9	4,3	29,9
MSN	4.266,1	75,9	28,7	3,2	12,5
SAB	2.211,1	41,6	13,2	2,8	19,9
PNJ	1.386,1	0,2	12,8	2,8	23,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.769,3		21,3	1,6	8,5
BSR	4.886,6	47,3	24,7	2,1	9,0
PLX	1.954,0	5,6	19,2	2,0	10,2
PVS	741,8	33,2	10,6	1,3	12,7
PVD	695,5	37,4	17,6	1,1	6,4
OIL	568,6	6,4	34,5	1,4	4,2

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.366,1		14,2	2,1	15,8
GAS	7.320,9	46,8	16,9	2,9	18,0
POW	1.514,4	47,2	15,2	1,2	7,3
REE	1.371,9	0,0	14,3	1,7	12,7
PGV	1.028,1	50,0	7,3	1,5	23,4
DNH	595,1	0,0	17,1	3,1	17,7

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	14.292,8		29,4	3,7	26,9
VIC	44.887,2	44,7	104,5	8,0	8,0
VHM	19.184,0	41,2	12,1	2,1	19,0
KSF	2.849,5	50,0	4,7	4,4	76,7
VRE	2.381,5	37,2	9,7	1,3	14,3
BCM	2.161,6	33,1	16,3	2,5	16,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.520,9		9,9	1,6	17,8
VCB	19.100,5	9,7	14,3	2,2	16,7
BID	11.458,5	13,2	9,7	1,8	19,4
CTG	10.470,0	4,7	8,0	1,6	21,2
VPB	8.315,0	5,2	9,1	1,3	15,5
TCB	8.260,8	0,0	8,6	1,3	16,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.566,9		48,3	6,0	-58,0
VPL	5.788,1	45,2	138,3	4,2	3,2
MWG	4.566,7	0,4	17,2	3,7	23,3
VJC	3.807,8	23,6	45,5	4,1	10,1
HVN	2.682,0	21,7	7,8	11,9	-352,7
FRT	990,1	16,2	32,8	6,3	26,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.954,3		18,8	4,6	26,4
HPG	6.940,5	27,0	25,6	10,1	46,4
GVR	4.968,0	12,3	13,9	4,3	29,9
MSR	4.266,1	99,9	28,7	3,2	12,5
KSV	2.211,1	0,0	13,2	2,8	19,9
DCM	1.386,1	39,8	12,8	2,8	23,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.769,3		21,3	1,6	8,5
DHG	4.886,6	46,0	24,7	2,1	9,0
IMP	1.954,0	27,1	19,2	2,0	10,2
DHT	741,8	9,2	10,6	1,3	12,7
DVN	695,5	0,0	17,6	1,1	6,4
DBD	568,6	84,6	34,5	1,4	4,2

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.366,1		14,2	2,1	15,8
FPT	7.320,9	16,3	16,9	2,9	18,0
CMG	1.514,4	12,4	15,2	1,2	7,3
SAM	1.371,9	48,5	14,3	1,7	12,7
SGT	1.028,1	-5,5	7,3	1,5	23,4
ELC	595,1	46,7	17,1	3,1	17,7

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

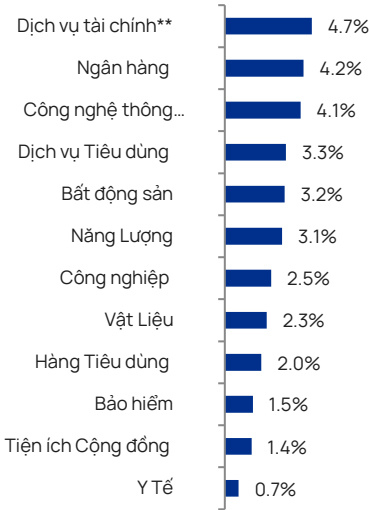
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

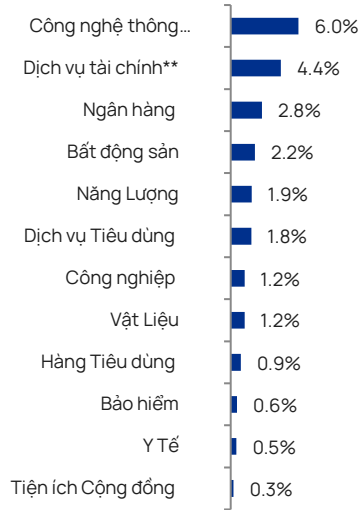
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

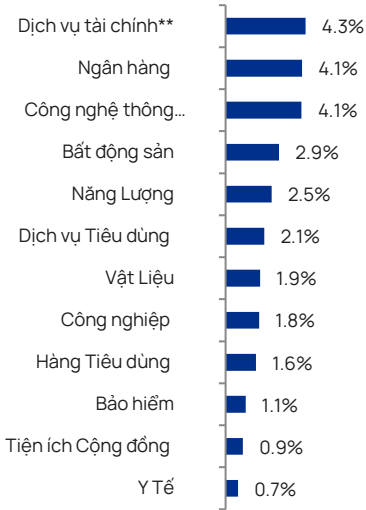


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



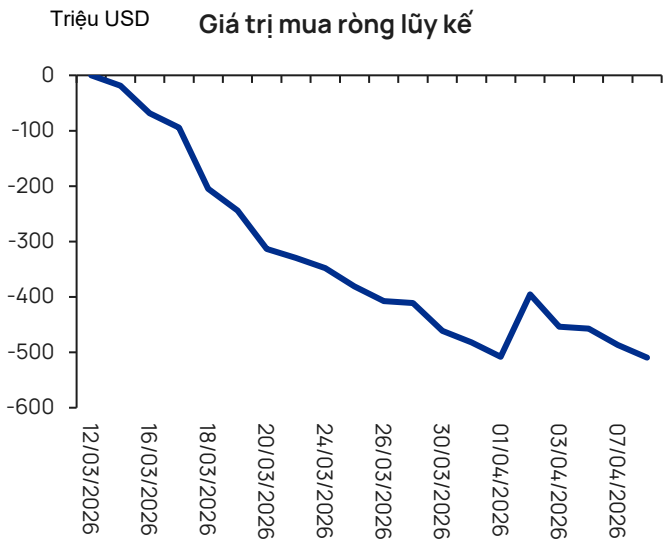
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



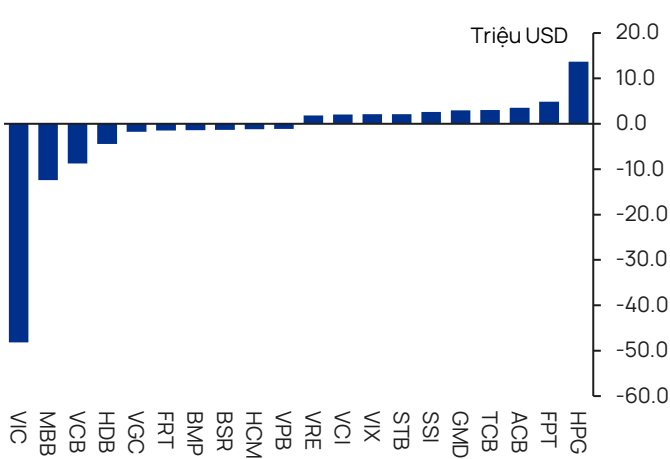
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



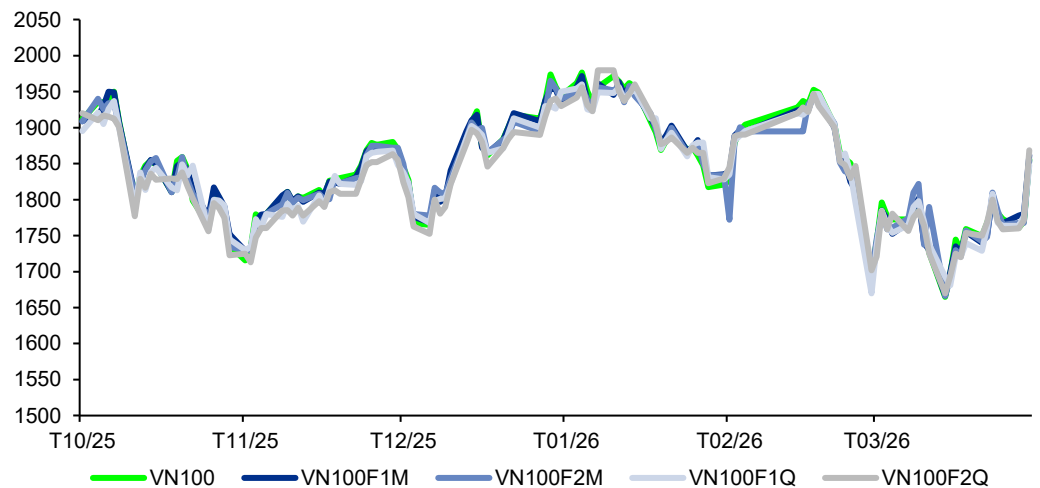
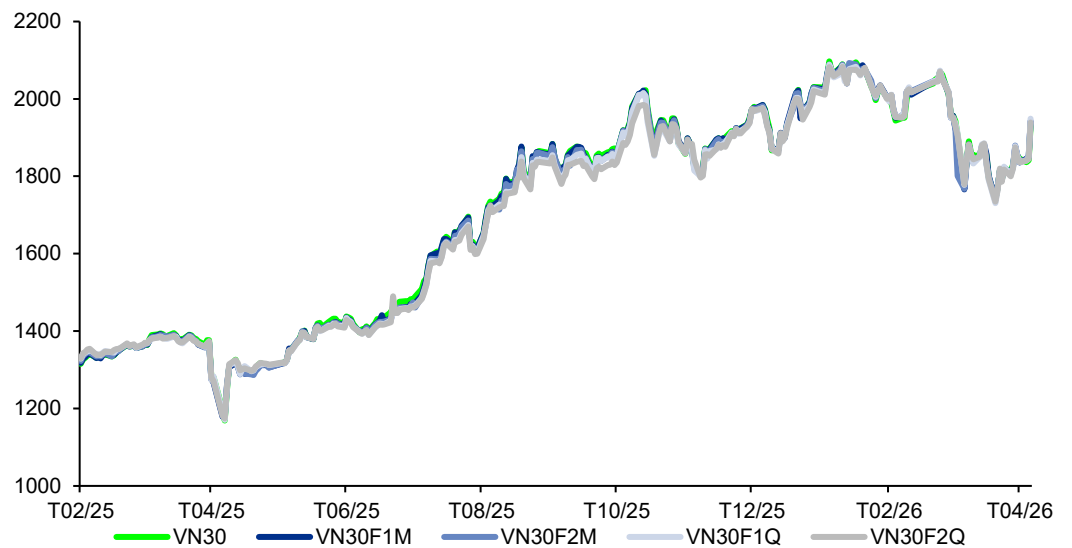
Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.942,0	93,8	5,1%	11,0
VN30F2M	1.939,0	87,1	4,7%	8,0
VN30F1Q	1.948,5	98,5	5,3%	17,5
VN30F2Q	1.939,2	94,2	5,1%	8,2
VN100F1M	1.861,7	81,7	4,6%	5,5
VN100F2M	1.854,6	87,1	4,9%	-1,6
VN100F1Q	1.847,5	70,6	4,0%	-8,7
VN100F2Q	1.868,5	97,5	5,5%	12,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	38.990	0,8%	291,11	13,9%
VN30F2M	922	67,9%	1,01	167,6%
VN30F1Q	1.697	16,3%	0,56	538,6%
VN30F2Q	289	-3,3%	0,11	522,2%
VN100F1M	28	-24,3%	0,11	208,8%
VN100F2M	9	125,0%	0,01	0,0%
VN100F1Q	13	0,0%	0,01	150,0%
VN100F2Q	16	-5,9%	0,02	533,3%

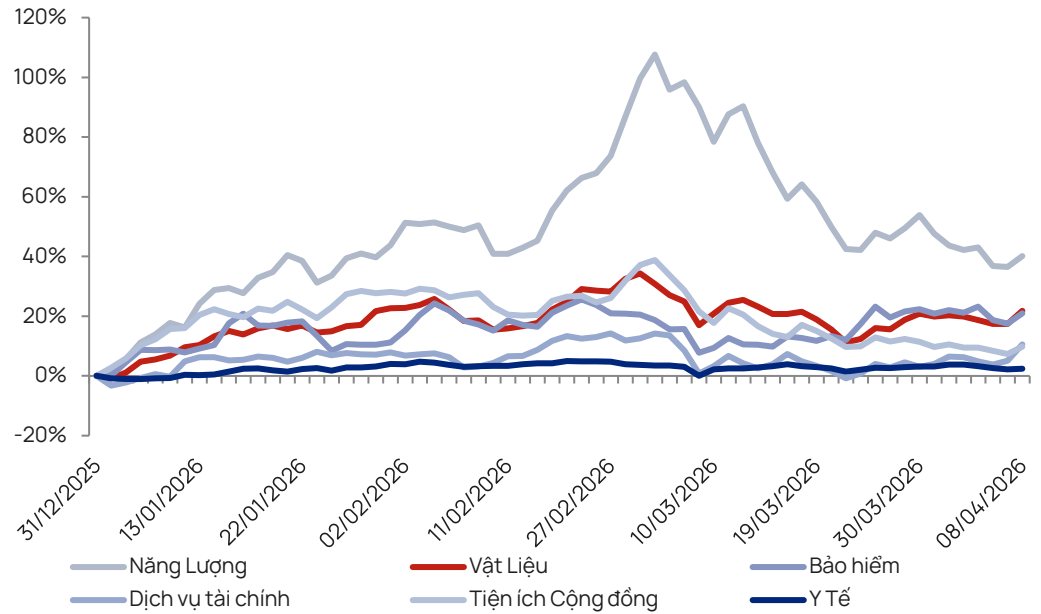


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

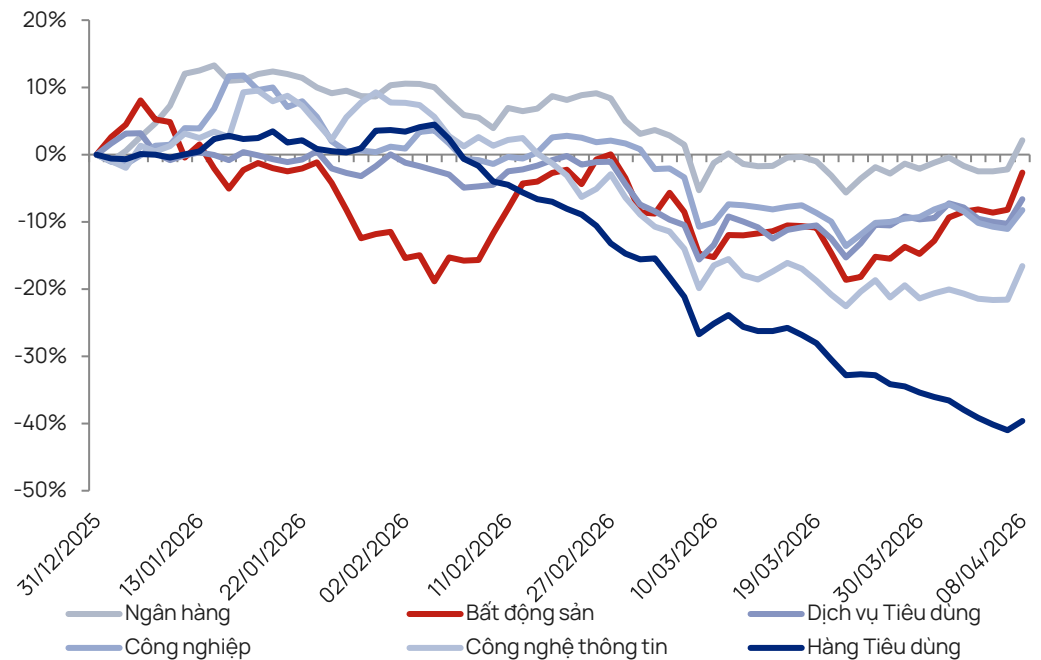
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



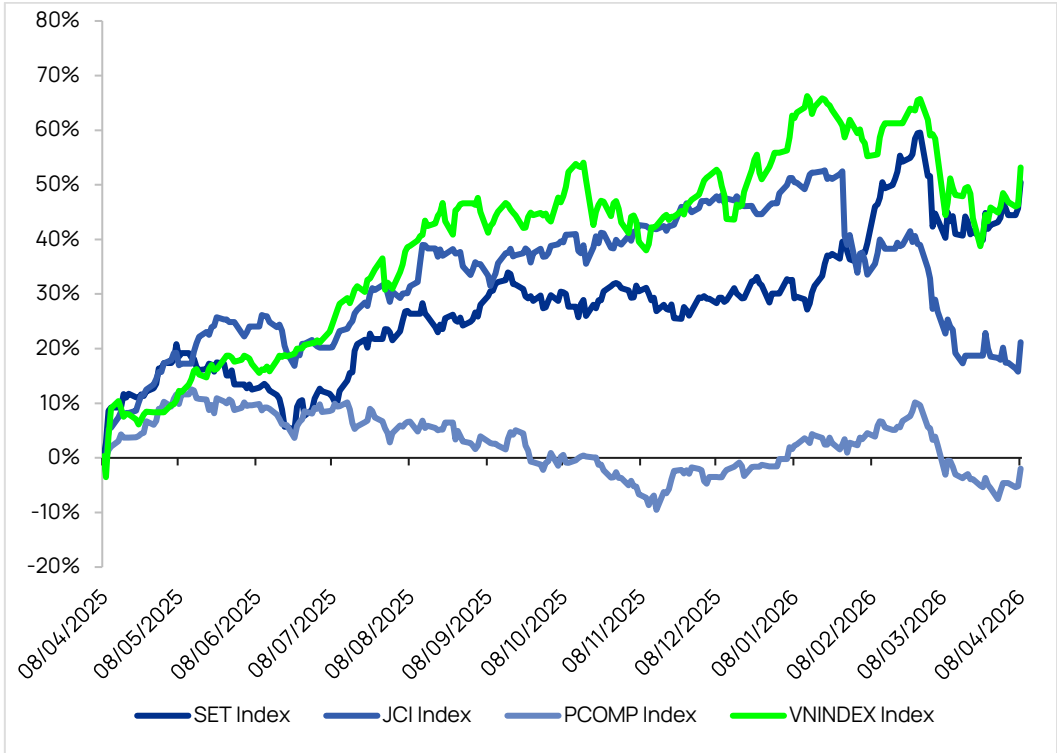
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



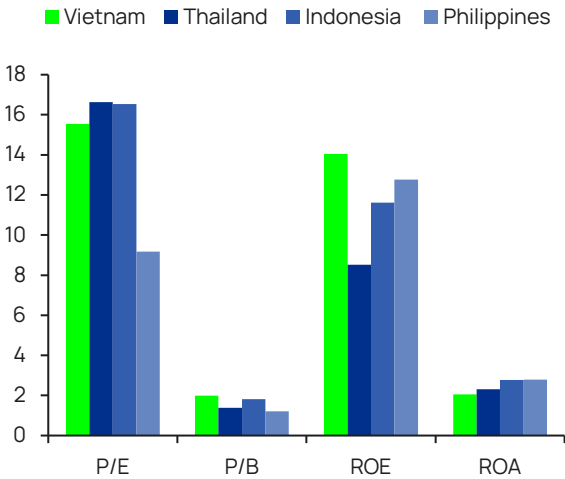
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,6	16,5	9,2	15,5
P/B	1,4	1,8	1,2	2,0
ROE (%)	8,5	11,6	12,8	14,0
ROA (%)	2,3	2,8	2,8	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	562,7	706,6	143,7	298,9
GTGD trung bình, tr USD	1.355,2	1.108,2	82,4	1.027,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	853,4	-2.146,1	77,3	-1.124,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	90,1	(188,6)	(41,3)	16,0
Lợi suất TPCP 5 năm	1,64%	6,31%	6,37%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.